TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỦA CHÙA** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-ST
Ngày 03- 6- 2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỦA CHÙA - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: ông Trương Anh Tuấn
Các hội thẩm nhân dân: ông Phạm Hữu Hà và bà Lò Thị Hạnh
***- Thư ký phiên tòa*:** ông Nguyễn Trọng Thể- Thư ký TAND huyện Tủa Chùa
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tủa Chùa tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng- Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2020/TLST- DS ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-DS ngày 06/5/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-DS ngày 22/5/2020, giữa các đương sự:
1- Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank); Địa chỉ: Số 2, đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật ông Trịnh Ngọc K- chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Văn Đình V - Chức vụ: Giám Đốc Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T, tỉnh Điện Biên
Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị Trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên (Theo văn bản ủy quyền số 510/QĐ-TĐTV-PC ngày 19 tháng 6 năm 2014). /có mặt
2- Bị đơn: Ông Trương Công Đ – Sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên/vắng mặt
3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Khúc Thị L – Sinh năm 1987
Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị Trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên/vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/01/2020 và các văn bản ghi ý kiến nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Văn Đình V trình bày:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam thông qua Chi nhánh huyện T (nay gọi tắt là Ngân hàng) cho ông Trương Công Đ và bà Khúc Thị L vay

tiền theo hợp đồng tín dụng số 8911LAV201800694 ngày 09/11/2018 (bà Khúc Thị L có giấy ủy quyền cho ông Trương Công Đ về việc thực hiện giao dịch vay vốn tại ngân hàng Agribank), số tiền vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất trong hạn 10,5%/năm, mức lãi suất quá hạn bằng 150% so với mức lãi suất trong hạn, thời hạn trả lãi theo quý (tháng 3-6-9-12), thời điểm trả vào ngày cuối cùng của quý, mục đích vay để sửa nhà.

Để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ, hộ gia đình ông Trương Công Đ và bà Khúc Thị L đã ký hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất ở và nhà ở gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AĐ383813 do UBND huyện T cấp ngày 31/12/2007, diện tích 196m^2, thửa số 84, tờ bản đồ số: 9 (421533-8(16)), tại tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên, trị giá theo biên bản xác định giá trị tài sản ngày 09/11/2018 là 700.000.000 đồng

Trong quá trình vay vốn, ông Trương Công Đ và bà Khúc Thị L đã thanh toán lãi đến tháng 6/2019, từ ngày 30/6/2019 không trả lãi và khi hợp đồng đến hạn 09/11/2019 hộ gia đình không thanh toán tiền gốc và lãi, đến ngày 28/12/2019 Ngân hàng thu hồi được 21.000.000 đồng nợ gốc từ tài khoản của ông Trương Công Đ.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trương Công Đ , bà Khúc Thị L phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện T số tiền nợ gốc là 479.000.000 đồng, tiền lãi suất tính đến ngày khởi kiện (03/01/2020) gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn là 30.645.473 đồng và tiếp tục tính lãi đến khi trả xong; Trong trường hợp, ông Đức, bà Là không trả được số nợ gốc và nợ lãi nêu trên, Ngân hàng đề nghị Tòa án cho Ngân hàng quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản do ông, bà đã thế chấp để thu hồi nợ

* *Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trương Công Đ trình bày:* Bị đơn thừa nhận có vay của Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện T số tiền 500.000.000 đồng và có thế chấp 01 thửa đất gắn liền với nhà ở tại tổ dân phố Đồng Tâm, thị trấn T, huyện T, ngày 28/12/2019 Ngân hàng đã thu số tiền 21.000.000 đồng từ tài khoản của bị đơn để trừ vào số tiền gốc 500.000.000 đồng. Do làm ăn thua lỗ nên gia đình bị đơn không còn khả năng thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng được nên đề nghị bàn giao lại tài sản đảm bảo cho Ngân hàng và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Khúc Thị L trình bày:* Nhất trí với ý kiến trình bày của bị đơn, hiện nay do gia đình bà làm ăn thua lỗ nên không có khả năng trả số tiền gốc còn lại và lãi cho Ngân hàng được, nên đề nghị bàn giao lại tài sản bảo đảm cho Ngân hàng và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải trả tiền nợ gốc 479.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 30/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 62.269.315 đồng, đề nghị Tòa án cho Ngân hàng quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp người vay không trả được.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm nghị án và tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, buộc ông Trương Công Đ, bà Khúc Thị L phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi chưa thanh toán; Trường hợp bị đơn không trả được đề nghị cho ngân hàng phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, đồng thời bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng Tại phiên tòa ngày 22/5/2020 do vắng mặt bị đơn ông Trương Công Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Khúc Thị L nên Tòa án đã hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa hôm nay bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo hợp đồng tín dụng số 8911LAV201800694 ngày 09/11/2018, hợp đồng ủy quyền giữa bà Khúc Thị L và ông Trương Công Đ , có căn cứ khẳng định: Vào ngày 09/11/2018, hộ gia đình ông Trương Công Đ và bà Khúc Thị L có vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng (ngày đến hạn 09/11/2019), đồng thời có thỏa thuận về thời hạn trả nợ lãi 03 tháng/lần, trả vào ngày cuối cùng của tháng cuối quý. Tuy nhiên sau khi vay ông Trương Công Đ và bà Khúc Thị L chỉ thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng đến ngày 29/6/2019 và trả được tiền vay gốc 21.000.000 đồng vào ngày 27/12/2019. Việc bị đơn ông Trương Công Đ và bà Khúc Thị L không thực hiện việc thanh toán nợ đầy đủ cho Ngân hàng theo như thỏa thuận trong hợp đồng đã vi phạm điều 4, điều 5 hợp đồng tín dụng làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, do bị đơn đã vi phạm hợp đồng giao kết giữa các bên nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả khoản nợ gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc ông Trương Công Đ và bà Khúc Thị L phải liên đới trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (03/6/2020) là:

- Số tiền nợ gốc: 479.000.000 đồng;
- Số tiền lãi trong hạn của 500.000.000 đồng tính từ ngày 30/6/2019 đến ngày

10/11/2019: 134 ngày X 10,50%/năm = 19.273.973 đồng
- Số tiền lãi quá hạn của 500.000.000 đồng tính từ ngày 11/11/2019 đến ngày 26/12/2019: 46 ngày X 15.75% = 9.924.658 đồng
- Số tiền lãi quá hạn của 479.000.000 đồng tính từ ngày 27/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (03/6/2020): 160 ngày X 15.75% = 33.070.685 đồng
Tổng cộng gốc và lãi là: 541.269.315 đồng.

Đồng thời, cần buộc ông Đ và bà L liên đới tiếp tục chịu lãi suất phát sinh tính từ ngày 04/6/2020 trên số nợ gốc chưa trả đến khi trả xong theo mức lãi suất quá hạn của hợp đồng tín dụng số 8911LAV201800694 ngày 09/11/2018.

[3] **Về hợp đồng thế chấp**: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 161/HĐTC-2014 ngày 21/10/2014 và các phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp do các bên đương sự xác lập thể hiện ý chí khi giao kết. Hơn nữa, hợp đồng này được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm, phù hợp với quy định tại các Điều 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319 của Bộ luật Dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng là trong trường hợp hộ gia đình ông Trương Công Đ và bà Khúc Thị L không trả được tiền nợ gốc và lãi nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho nguyên đơn.

[4] **Về án phí dân sự sơ thẩm**: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí, trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Bị đơn ông Trương Công Đ phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 điều 26, khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015,
- Khoản 2 Điều 91, khoản 3 điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;
- Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

1.1. Buộc bị đơn ông Trương Công Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Khúc Thị L phải liên đới trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thông qua chi nhánh huyện T số tiền nợ gốc 479.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn và quá hạn 62.269.315 đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi là: 541.269.315 đồng (năm trăm bốn mươi mốt triệu hai trăm

sáu mươi chín nghìn ba trăm mười năm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc chậm trả theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong.

1.2. Trường hợp ông Trương Công Đ và bà Khúc Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ, tài sản được quyền yêu cầu phát mãi là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ383813 do UBND huyện T cấp ngày 31/12/2007, diện tích 196m^2, thửa số 84, tờ bản đồ số: 9 (421533-8(16)), tại tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn ông Trương Công Đ phải chịu 25.650.773 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (chi nhánh huyện T) số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 12.192.909 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2010/00703 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vu liên quan có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết Bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh
- VKSND huyện
- Các đương sự
- Chi cục THADS huyện
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Đã ký

Trương Anh Tuấn